

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/DS-ST**
Ngày 03-7-2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Kiên.

Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1949 (có mặt).

Bà Võ Kim E, sinh năm 1952 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Châu Quốc V, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 8, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-12-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E trình bày: Trong quá trình anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T làm chủ hụi, ông C và bà E có tham gia các dây hụi. Cụ thể:

- Dây hụi 1: Mở ngày 16-5-2018 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, có 35 phần, ông C và bà E tham gia 01 phần. Các nguyên đơn đã đóng đến hết tháng 4-2019 âl là: 12 tháng x 1.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Mở ngày 08-02-2019 âl, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, có 30 phần, ông C và bà E tham gia 01 phần. Các nguyên đơn đã đóng đến hết tháng 4-2019 âl là: 04 tháng x 1.000.000 đồng = 4.000.000 đồng.

Đến tháng 5/2019 âl, anh V và chị T tuyên bố đình hui và hai bên có kết nợ với tổng số tiền 16.000.000 đồng. Nay ông C, bà E yêu cầu anh V và chị T cùng có nghĩa vụ trả số tiền hui nêu trên.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V và chị T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của các nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E với anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh V và chị T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản bác nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ. Phía nguyên đơn đã cung cấp 02 tờ “giao kèo” giao dịch hui thể hiện quá trình anh V và chị T làm chủ hui ông C và bà E có tham gia giao dịch, số phần tham gia vào các dây hui nêu trên là thực tế có xảy ra. Đến tháng 5 năm 2019 âl, phía bị đơn ngưng khai hui và đã làm biên nhận nợ thể hiện: “Châu Quốc V và Nguyễn Thị T có thiếu tiền hui bà Võ Kim E 16 triệu, hàng tháng ngày 26-6 trả 2 triệu đến ngày 26-01-2020 nếu không hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Như vậy, có căn cứ xác định anh V và chị T còn nợ ông C và bà E tổng số tiền hui 16.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E. Buộc anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông C và bà E số tiền hui còn nợ lại là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, anh V và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của ông C và bà E được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E. Buộc anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông C và bà E số tiền hui còn nợ lại là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đỗ Văn C và bà Võ Kim E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Châu Quốc V và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út